

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN THÀNH
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2017/HS-ST
Ngày 18-8-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Công Tạo

2. Ông Mai Trương Huy

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quang Nam, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 94/2017/HSST ngày 26/7/2017 đối với các bị cáo:

1. Huỳnh Vỹ N, tên gọi khác I, sinh ngày 13/4/1998; trú tại ấp P, xã M, huyện T, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu; chỗ ở ấp P, xã M, huyện T, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu; nghề nghiệp không; trình độ văn hóa 08/12; Cha: Huỳnh Vỹ R, mẹ: Hồ Thị Ngọc D.

Bị bắt tạm giam ngày 18/02/2017 (Có mặt).

2. Nguyễn Hoàng M, tên gọi khác P; sinh ngày 19/6/2000; trú tại ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; chỗ ở ấp H, xã M, huyện T, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu; nghề nghiệp không; trình độ văn hóa không biết chữ; cha: Nguyễn Văn T, mẹ: Lưu Thị K.

Bị bắt tạm giam ngày 18/02/2017 (Có mặt).

3. Phạm Thanh H, tên gọi khác K, sinh ngày 20/11/2002; trú tại khu phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận; chỗ ở ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; nghề nghiệp không; trình độ văn hóa 06/12; cha: Phạm Văn T, mẹ: Trần Thị Bích V.

Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Hoàng M: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1954 (Có mặt) và bà Lưu Thị K, sinh năm 1957 (Vắng mặt); trú tại

khu A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận; chỗ ở ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu - Là cha mẹ đẻ của bị cáo.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Thanh H: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1973; trú tại khu phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Vắng mặt) và bà Trần Thị Bích V, sinh năm 1982; trú tại khu phố A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận; chỗ ở ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có mặt)
- Là cha mẹ đẻ của bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng M: Ông Nguyễn Thanh H - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thanh H: Bà Hồ Thị T- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có mặt).

- Bị hại: Anh Đặng P, sinh năm 1991; trú tại thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Quảng Ngãi; chỗ ở: Ấp P, xã Q, huyện L, tỉnh Đồng Nai (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Phan Thị Hồng T, sinh năm 1950; trú tại tổ A, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thanh H và anh Đặng P quen nhau qua mạng xã hội Zalo nên H biết được anh P có xe máy. Khoảng 17 giờ ngày 13/02/2017, H đang ở nhà bạn trai là Huỳnh Vỹ N chơi thì anh P nhắn tin rủ H đi chơi. H nói lại với N việc anh P rủ H đi chơi và anh P có xe máy rồi hỏi N có cướp xe không. N nghe xong đồng ý đã điện thoại rủ thêm Nguyễn Hoàng M cùng tham gia. Một lúc sau M đến nhà N, tại đây N, H và M cùng thống nhất cho H hẹn anh P đến khu vực cổng giáo xứ L ở ấp P, xã M, huyện T, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu đón H để N và M cướp xe máy của anh P. Sau khi cả bọn bàn bạc xong, H nhắn tin lại cho anh P đồng ý đi chơi và hẹn anh P đến khu vực cổng giáo xứ L đón H.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, anh P điều khiển xe mô tô hiệu Sirius biển số 76C1 - 011.27 đến cổng ấp P, xã M thì điện thoại cho H. H, N và M cùng nhau đi đến con hẻm gần cổng giáo xứ Phú Hà, khi đi M lấy ở nhà N một con dao bầu nhỏ mang theo. N và M đứng chờ tại con hẻm còn H đi bộ một mình ra dẫn anh P đến gần chỗ N, M đang đứng chờ. H nói anh P đợi H về phòng lấy ví nhưng thực chất là đi vào phía trong tránh mặt. Khi H vừa đi khuất thì N và M xông ra giả vờ đánh ghen do anh P đi chơi với bạn gái của N. N đánh bằng tay, chân còn M dùng dao đâm anh P nhưng không trúng. M định đâm anh P tiếp thì H chạy ra can ngăn nên M cầm dao đe dọa yêu cầu anh P đưa chìa khóa xe máy cho mình,

anh P hoảng sợ đã đưa chìa khóa xe cho M. Lấy được xe, M chở N và H về nhà mình lấy mũ bảo hiểm rồi đi lên quận 8, thành phố Hồ Chí Minh để cầm cố xe nhưng không được, trên đường đi M đưa dao cho N và N đã vứt bỏ bên đường. M chở N và H quay về phòng trọ của anh ruột mình là Nguyễn Thuận E chơi và bàn cách cầm xe. Tại đây cả nhóm gặp Trung (không rõ nhân thân, lai lịch) là bạn của E và được Trung hứa mang xe đi cầm giúp. Đến sáng ngày 14/02/2017, Trung lấy xe cùng giấy đăng ký và chứng minh nhân dân của anh P chở H đến tiệm cầm đồ “TN” của bà Phan Thị Hồng T cầm được 4.000.000 đồng. Số tiền này, H cho Trung mượn 500.000 đồng, chia cho M 1.000.000 đồng còn N và H là 2.500.000 đồng cùng nhau tiêu xài hết.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Tại kết luận định giá tài sản số 84/KL-HĐĐG-TTHS ngày 31/05/2017 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện Tân Thành thì giá trị còn lại của chiếc xe mô tô Sirius biển số 76C1 - 011.27 là 9.000.000 đồng (Chín triệu).

Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Thành đã thu hồi và trả lại cho anh P chiếc xe mô tô hiệu Sirius biển số 76C1 - 011.27 cùng đăng ký xe và chứng minh nhân dân. Riêng con dao M sử dụng vào việc phạm tội, N đã vứt ở bên đường nhưng không nhớ vứt chỗ nào nên không thu giữ được.

Đối với Nguyễn Thuận E hiện không có mặt tại địa phương nên chưa làm việc được, đối với Trung chưa xác định được nhân thân, lai lịch; Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Thành tiếp tục xác minh làm rõ, khi nào có kết quả sẽ xử lý sau. Đối với bà Phạm Thị Hồng T khi cầm cố xe mô tô Sirius biển số 76C1 - 011.27, không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không xử lý bà Tâm về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Bản cáo trạng số 97/KSĐT-KT ngày 24 tháng 7 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã truy tố Huỳnh Vũ N, Nguyễn Hoàng M và Phạm Thanh H về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội “Cướp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm n khoản 1 Điều 48; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Huỳnh Vũ N từ 07 đến 08 năm tù.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 69, khoản 1 Điều 74, Điều 47; Điều 33 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng M từ 04 đến 05 năm tù.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 69, khoản 2 Điều 74; Điều 47; Điều 60 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Thanh H

từ 02 đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo có thời gian thử thách từ 04 đến 05 năm.

Về hình phạt bổ sung không áp dụng.

Về bồi thường thiệt hại không xem xét.

Trợ giúp viên pháp lý Nguyễn Thanh H bào chữa cho bị cáo M thống nhất về tội danh “Cướp tài sản” mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết: Bị cáo có nhân thân tốt, nhất thời phạm tội do bị rủ rê, lôi kéo, khi phạm tội bị cáo còn ở độ tuổi chưa thành niên, nhận thức pháp luật có phần hạn chế do không biết chữ; đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để xử phạt bị cáo M mức án từ 03 đến 04 năm tù là phù hợp. Bị cáo M và người đại diện hợp pháp của bị cáo M không bổ sung gì thêm.

Trợ giúp viên pháp lý Hồ Thị T bào chữa cho bị cáo H thống nhất về tội danh “Cướp tài sản” mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Bị cáo có nhân thân tốt, khi phạm tội còn ở độ tuổi chưa thành niên, nhận thức pháp luật có phần hạn chế; đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp gây thiệt hại không lớn. Ngoài các tình tiết mà đại diện Viện kiểm sát đã áp dụng, người bào chữa cho bị cáo H đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo. Bị cáo H và người đại diện hợp pháp của bị cáo H không bổ sung gì thêm.

Các bị cáo N và M nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo H nói lời nói sau cùng xin được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Trong quá trình điều tra, truy tố; Cơ quan điều tra, điều tra viên, Viện kiểm sát, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, các tài liệu, chứng cứ được thu thập đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi cũng như quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, lời khai nhận tội của các bị cáo N, M và H phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và lời khai của bị hại cũng như các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa đã xác định: Vào khoảng

19 giờ ngày 13/02/2017, tại khu vực giáo xứ L các bị cáo N, M và H đã có hành vi dùng tay, chân đánh anh P, sau đó dùng hung khí nguy hiểm là dao tấn công, đe dọa làm cho anh P hoảng sợ không thể chống cự được để chiếm đoạt chiếc xe Sirius biển số 76C1 - 011.27 trị giá 9.000.000 đồng của anh P. Do đó hành vi của các bị cáo N, M và H thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tuy nhiên khi so sánh hai điều luật tương ứng của hai Bộ luật hình sự cùng về tội “Cướp tài sản” thì Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 có khung hình phạt cao nhất là tử hình nặng hơn Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt cao nhất là tù chung thân. Vì vậy để thực hiện các quy định có lợi cho người phạm tội theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 và hướng dẫn tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội thì cần thiết phải áp dụng Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử đối với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện.

Hành vi phạm tội của các bị cáo N, M và H rất nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản và sức khỏe của anh P, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương. Trước khi thực hiện tội phạm, các bị cáo tuy có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể nhưng giữa các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ nên các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không phải phạm tội có tổ chức. Trong đó bị cáo H là người khởi xướng và dẫn anh P đến địa điểm mà N và M đang đứng chờ. Bị cáo N là người lên kế hoạch thực hiện tội phạm và phân công vai trò cho các bị cáo còn lại, sau đó dùng tay, chân đánh anh P. Bị cáo M là người thực hành tích cực nhất, trực tiếp dùng dao đâm và uy hiếp anh P rồi yêu cầu anh P phải đưa chìa khóa xe cho mình. Do đó đối với các bị cáo cần phải xử lý nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo N sau khi nghe H khởi xướng đã đồng ý và rủ rê, lôi kéo thêm bị cáo M là người chưa thành niên cùng tham gia thực hiện tội phạm với mình. Do đó cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự xúi giục người chưa thành niên phạm tội theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo N.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; bị cáo M và bị cáo H hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo M không được đi học, bị cáo H chỉ được học hết lớp 6, nhận thức pháp luật hạn chế, bị cáo N sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện đã tự nguyện ra đầu thú. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Trong vụ án này các bị cáo phạm tội cướp tài sản, cùng một lúc xâm phạm hai khách thể là quyền sở hữu và sức khỏe của công dân, tội phạm hoàn thành ngay từ khi người phạm tội có hành vi dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực, do đó không có cơ sở áp dụng tình tiết giảm nhẹ phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự như đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý Hồ Thị T.

Bị cáo M nhất thời phạm tội do bị rủ rê, lôi kéo, khi phạm tội 16 tuổi 7 tháng 25 ngày, có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự nên áp dụng khoản 2 Điều 74 và Điều 47 Bộ luật hình sự để quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung đối với bị cáo như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Bị cáo H khi phạm tội mới 14 tuổi 02 tháng 24 ngày, có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng và có khả năng tự cải tạo, được gia đình đứng ra nhận giám sát giáo dục nên áp dụng khoản 2 Điều 74, Điều 47, Điều 60 Bộ luật hình sự để quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung đối với bị cáo, đồng thời cho bị cáo hưởng án treo có thời gian thử thách như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa.

[3] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo M và H là người chưa thành niên, bị cáo N không có nghề nghiệp và không có thu nhập, sống phụ thuộc gia đình nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] Về bồi thường thiệt hại: Bị hại đã nhận lại xe, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận đủ tiền bồi thường và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Võ N (I), Nguyễn Hoàng M (P) và Phạm Thanh H (Hân) phạm tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm n khoản 1 Điều 48; điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 2 Điều 20; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Võ N (I) 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/02/2017.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, điểm p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 69; khoản 1 Điều 74; khoản 2 Điều 20, Điều 47; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng M (P) 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/02/2017.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, điểm p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 69, khoản 2 Điều 74; Điều 47; khoản 2 Điều 20, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Phạm Thanh H (K) 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án 18/8/2017.

Giao bị cáo Phạm Thanh H (K) cho Ủy ban nhân dân xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Phạm Thanh H (K) thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Thanh H (K) phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn).

Bị cáo Huỳnh Vỹ N (I) phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn).

Bị cáo Nguyễn Hoàng M (P) phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn).

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Tân Thành;
- Công an huyện Tân Thành (02);
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Phòng PV27 công an tỉnh BR-VT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ly

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Tân Thành;
- Công an huyện Tân Thành (02);
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Phòng PV27 công an tỉnh BR-VT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Ly

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Tân Thành;
- Công an huyện Tân Thành (02);
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Phòng PV27 công an tỉnh BR-VT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ly

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Tân Thành;
- Công an huyện Tân Thành (02);
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Phòng PV27 công an tỉnh BR-VT;
- Những người tham gia tố tụng (02);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN THỊ LY